TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 317/2026/DS-PT
Ngày: 10 – 4 - 2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu;

Ông Võ Ngọc Giàu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hồng Mơ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2026/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 10 – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 717/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngô Thị D, sinh năm 1954;

Địa chỉ: ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:*

+ Nguyễn Kim P, sinh năm 1960;

Địa chỉ: ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị Thảo T, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

+ Nguyễn Quốc V, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Nguyễn Thị Thùy D1 (T1), sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

+ Nguyễn Thị Thảo T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Kim P.

(Tại phiên tòa có mặt bà D, chị T, chị D1; Còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

- *Nguyên đơn Ngô Thị D trình bày:*

Bà D và bà P là bạn. Bà P có nhu cầu vay tiền, mục đích đáo nợ Ngân hàng, nên bà D cho bà P vay tiền như sau:

- Ngày 11/01/2023 (dl), bà P vay 100.000.000 đồng, bà D giao tiền tại nhà bà P, bà P viết biên nhận, bà P hẹn 01 tháng trả vốn, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, bà P có trả tiền lãi nhưng bà D không nhớ thời gian và số tiền, mỗi lần bà P trả tiền lãi thì bà D có ký nhận vào sổ của bà P, bà D yêu cầu bà P xuất trình cuốn sổ có chữ ký của bà.

Đối với khoản nợ này, bà D yêu cầu bà P trả cho bà tiền vay vốn 100.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính từ ngày 11/9/2023 (dl) (ngày thiếu cuối cùng) đến ngày 05/6/2025, lãi suất 1,66%/tháng x 100.000.000 đồng, cụ thể thời gian và số tiền bao nhiêu thì bà D chưa tính được.

- Ngày 14/7/2023, bà P vay 150.000.000 đồng, bà P nói bận công việc, nên nói với bà qua nhà bà P giao tiền cho con tên Nguyễn Quốc V, thì V có viết biên nhận ngày 14/7/2023 cho bà, cũng trong ngày 14/7/2023, bà P nói chưa đủ, hỏi vay thêm 50.000.000 đồng, bà đồng ý nên bà P có viết biên nhận chung với biên nhận của V, thời hạn vay 10 ngày, thỏa thuận lãi suất 10 ngày 4.000.000 đồng của 200.000.000 đồng, bà P nói vay trả nợ Ngân hàng.

Trong quá trình vay, bà P có đăng lãi cho bà, nhưng bà D không nhớ thời gian và số tiền bao nhiêu, mỗi lần bà P đăng lãi thì bà D có ký tên vào sổ của bà P, sau đó bà chuyển khoản nợ này cho con nuôi của bà tên Nguyễn Thị Thùy D1 tiếp tục nhận tiền lãi của bà P. Lý do: Khi bà P hỏi vay tiền thì bà không có tiền, nên bà mới nói bà P là bà mượn giấy tờ nhà của D1 để bà đi thế chấp nhận tiền và đưa tiền cho bà P, trong thời gian này bà có việc phải đi thành phố nên bà nói bà P trả tiền cho D1. Do đó, bà P trả cho D1 bao nhiêu tiền lãi thì bà không xác định được.

Đối với khoản nợ này, bà yêu cầu bà P và anh V liên đới trả bà D tiền vay vốn 200.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính từ ngày 22/7/2023 (dl) (ngày thiếu cuối cùng) đến ngày 05/6/2025, lãi suất 1,66%/tháng x 200.000.000 đồng, cụ thể thời gian và số tiền bao nhiêu thì bà chưa tính được.

Việc vay tiền không thế chấp tài sản.

Về yêu cầu điều chỉnh lãi suất của bà P thì bà D không đồng ý. Vì tiền đăng lãi của bà P thì bà D cũng đăng lãi cho người khác.

Bà D xác định là bà P đăng tiền lãi cho chị D1 (T1) nhận là chị D1 nhận thay cho bà D, chứ không nhận cho cá nhân của chị D1 (T1).

Bà D có nhận của anh V 15.000.000 đồng là tiền hụi của bà P thiếu tiền hụi chết của bà, đến nay bà P không còn thiếu tiền hụi của bà, bà không đồng ý khấu trừ theo yêu cầu của anh V.

Tại phiên tòa, bà D trình bày rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với trách nhiệm liên đới của anh V cùng bà P thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay vốn và lãi của số vốn 150.000.000 đồng theo biên nhận ngày 14/7/2023.

- *Bị đơn Nguyễn Kim P trình bày:*

Ngày 11/01/2023 (dl), bà P có mượn (không lãi suất) của bà D 100.000.000 đồng, thời gian mượn một tháng trả, bà P không nhớ mượn tiền để làm gì (vì thời gian này có nhiều khoản bà P phải chi), nhưng do kinh tế khó khăn nên bà P chưa trả tiền mượn trong thời hạn 01 tháng. Do dó, bà P nói để trả lãi cho bà D đến khi nào bà P bán được đất thì sẽ trả tiền vốn, lãi do bà D tự tính. Như vậy, bà P đăng lãi cho bà D từ ngày 11/02/2023 đến ngày 11/8/2023 là 42.000.000 đồng, bà D có ký tên vào sổ của bà P, từ ngày 11/9/2023, do bà D nói bận chăm cháu ở S nên có dẫn chị D1 (tên gọi khác là T1) sang nhà bà P và nói sau này phần tiền lãi của 100.000.000 đồng do chị D1 nhận thay bà D, nên từ đó bà P trả lãi cho chị D1, bà P trả tiền lãi cho chị D1 từ ngày 11/9/2023 đến ngày 11/3/2024 là 42.000.000 đồng, mỗi lần chị D1 nhận tiền thì chị D1 có ký tên vào sổ của bà P, tổng cộng bà P đã trả tiền lãi của 100.000.000 đồng là 84.000.000 đồng.

Ngày 14/7/2023, bà P mượn của bà D 150.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng, do bà P không có ở nhà nên nhờ con trai tên V nhận tiền thay cho bà P, nên V có viết biên nhận thay bà P cho bà D, ngày 15/7/2023 thì bà P hỏi mượn thêm bà D 50.000.000 đồng nên bà P có ghi thêm nội dung vào biên nhận ngày 14/7/2023 do anh V viết, thời hạn mượn 10 ngày trả, do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà P không trả vốn đúng hẹn nên thỏa thuận tính lãi suất theo yêu cầu của bà D. Bà P đăng lãi cho bà D lần thứ nhất ngày 27/7/2023 là 4.000.000 đồng và ngày 04/08/2023 là 4.000.000 đồng, bà D có ký nhận vào sổ của bà P, bà P đã cung cấp cho Tòa án. Bà D là người đưa tiền cho bà P, bà P không nhận tiền từ chị D1 (T1), việc bà D và chị D1 tự thỏa thuận mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị D1, sau này bà P mới biết, chứ bà P không biết ngay từ đầu. Sau đó, bà D cũng chuyển phần lãi này sang cho chị D1 (T1) nhận, bà P đăng tiền lãi cho chị D1 từ ngày 14/8/2023 đến ngày 17/9/2024 tổng số tiền 114.500.000 đồng, mỗi lần bà P đăng tiền lãi cho chị D1 thì chị D1 có ký vào sổ của bà P và bà P đã nộp chứng cứ cho Tòa án và bà P đưa tiền cho tôi (T) để chuyển khoản cho chị D1, hôm nay tôi có giao nộp chứng cứ cho Tòa án, tổng cộng bà P đã trả tiền lãi của 200.000.000 là 122.500.000 đồng.

Từ đó, bà P có đơn khởi kiện phản tố điều chỉnh lãi suất vay với mức 0,83%/tháng và khấu trừ số tiền lãi bà P đã đăng theo lãi suất thỏa thuận vào tiền vốn như sau:

- Biên nhận 100.000.000 đồng ngày 11/01/2023: lãi suất từ ngày 11/01/2023 đến 11/7/2024: 100.000.000 đồng x 0,83% x 18 tháng = 14.940.000 đồng, bà P đã đăng 84.000.000 đồng. Như vậy, đăng thừa 69.060.000 đồng, yêu cầu khấu trừ 69.060.000 đồng vào tiền vốn 100.000.000 đồng, bà P đồng ý trả bà D tiền vốn 30.940.000 đồng (Ba mươi triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Biên nhận 200.000.000 đồng ngày 14/7/2023: lãi suất từ ngày 14/7/2023 đến 14/9/2024: 200.000.000 đồng x 0,83% x 14 tháng = 23.240.000 đồng, bà P đã đăng 122.500.000 đồng. Như vậy, đăng thừa 99.260.000 đồng, yêu cầu khấu trừ 99.260.000 đồng vào tiền vốn 200.000.000 đồng, bà P đồng ý trả bà D tiền vốn 100.740.000 đồng (Một trăm triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

Đối với hai khoản nợ này là nợ của bà P, không liên quan đến nghĩa vụ trả nợ của anh V.

- Bị đơn Nguyễn Quốc V1 trình bày:

Căn cước công dân ghi địa chỉ là Khóm D, thị trấn M, hộ khẩu thường trú thì ghi khóm 3 và hiện nay anh V đang sinh sống tại khóm C, thị trấn M (nay là Ấp M, xã T).

Ngày 14/7/2023, bà D đến nhà tìm mẹ anh tên Nguyễn Kim P, bà D nói tìm bà P để đưa tiền, lúc này mẹ anh không có nhà nên bà D yêu cầu anh nhận thay cho bà D và ghi biên nhận cho bà D. Trong biên nhận ngày 14/7/2023, anh đã ghi rõ nội dung "nhận thay cho Nguyễn Kim P" bà D đồng ý, anh đã chuyển số tiền 150.000.000 đồng cho bà P. Do đó, anh không đồng ý yêu cầu của bà D về việc yêu cầu anh liên đới cùng bà P trả tiền cho bà D.

Ngoài ra, ngày nào bà D cũng đến nhà bà P, bà D nói bà P còn thiếu bà D tiền hụi 15.000.000 đồng, nên từ ngày 10/5/2024 đến ngày 25/7/2024, anh đã giao cho bà D 15.000.000 đồng, bà D nhận và có làm giấy với anh, mục đích anh giao cho bà D là để gánh vác nợ của bà P. Nay anh yêu cầu Tòa án xem xét khấu trừ 15.000.000 đồng của anh vào tiền vốn 100.000.000 đồng của biên nhận ngày 11/01/2023 (dl).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thùy D1 trình bày:

Tên theo giấy tờ là Nguyễn Thị Thùy D1, tên thường gọi là T1, chị D1 là con nuôi của bà Ngô Thị D.

Vào đầu tháng 8/2023, bà D có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị để đi vay tiền nóng bên ngoài giùm cho thiếm V2 (bà P), số tiền 300.000.000 đồng, lúc mượn thì bà P nói sẽ trả sau 10 ngày, đến khoảng giữa tháng 8/2023, thì chị có yêu cầu bà D trả giấy chứng nhận lại thì bà D dẫn chị giáp mặt với bà P và nói với chị là mượn cho bà P, mục đích là sau này có đăng tiền lãi thì khỏi cần đưa qua cho bà D, vì bà D thường xuyên không có ở nhà, việc đóng lãi có làm biên nhận giữa hai bên. Giấy xác nhận "giấy nhận tiền lãi" là do chị viết, ký tên vào mục đích là có nhận lãi từ 02 khoản vay của bà P. Số tiền 4.000.000 đồng là tiền lãi cho khoản vay 200.000.000 đồng, số tiền 6.000.000 đồng là lãi cho khoản vay 100.000.000 đồng. Ngoài việc trả lãi bằng tiền mặt thì hai bên có thực hiện trả lãi bằng chuyển khoản nhiều lần nên chị không nhớ thời

gian cụ thể, chị nhận tiền là nhận thay cho bà D, chị không yêu cầu bà D trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thảo T trình bày:*

Chị là con của bà P, các lần chị chuyển tiền cho chị D1 (T1) là tiền của bà P đưa cho chị và nhờ chị chuyển khoản cho chị D1 để trả tiền lãi cho bà D, chị T khẳng định không phải tiền của chị.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 10 – Đồng Tháp đã quyết định: Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D về việc không yêu cầu anh Nguyễn Quốc V trả tiền vay.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D.

Buộc bà Nguyễn Kim P trả bà Ngô Thị D tiền vay vốn 184.817.000 đồng, tiền lãi 48.721.600 đồng. Tổng cộng 233.538.600 đồng (Hai trăm ba mươi ba triệu năm trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 28/8/2025, bị đơn Nguyễn Kim P có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu điều chỉnh lãi suất và khấu trừ số tiền lãi mà bà Nguyễn Kim P đã đóng dư cho bà Ngô Thị D vào tiền gốc như sau:

- Biên nhận tiền gốc 100.000.000 đồng: lãi từ ngày 11/01/2023 đến ngày 11/7/2024: 100.000.000 đồng x 0.83% x 18 tháng = 14.940.000 đồng. Bà Nguyễn Kim P đã đóng 84.000.000 đồng. Như vậy đã dư 69.060.000 đồng. Yêu cầu khấu trừ 69.060.000 đồng vào số tiền gốc. Bà Nguyễn Kim P đồng ý trả tiền gốc còn lại: 30.940.000 đồng.

- Biên nhận tiền gốc 200.000.000 đồng: lãi từ ngày 14/7/2023 đến ngày 14/9/2024: 200.000.000 đồng x 0.83% x 14 tháng = 23.240.000 đồng. Bà Nguyễn Kim P đã đóng 122.500.000.000 đồng. Như vậy đã dư 99.260.000 đồng. Yêu cầu khấu trừ 99.260.000 đồng vào số tiền gốc. Bà Nguyễn Kim P đồng ý trả tiền gốc còn lại: 100.740.000 đồng

Như vậy bà Nguyễn Kim P yêu cầu khấu trừ tổng số tiền đã đóng lãi dư là: 168.320.000 đồng và 2 phần tiền gốc. Bà Nguyễn Kim P đồng ý trả số tiền gốc

còn nợ là 131.680.000 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm;

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo.

- Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

Bà Nguyễn Kim P có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị D số tiền nợ vay 216.281.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Kim P nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Kim P có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị D số tiền 216.281.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Xét thấy, sự thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận thỏa thuận của các đương sự.

[3]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bà Ngô Thị D, bà Nguyễn Kim P là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn án phí dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 357 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa Bản án sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 19/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đồng Tháp. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Bà Nguyễn Kim P có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị D số tiền nợ vay là 216.281.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự cho bà Ngô Thị D, bà Nguyễn Kim P.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp; (1)
- THADS tỉnh Đồng Tháp; (1)
- TAND khu vực 10 – Đồng Tháp; (1)
- Các đương sự; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Huy